TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LONG THÀNH** **TỈNH ĐỒNG NAI**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 160/2020/HNGĐ - ST
Ngày: 07-9-2020
V/v: "Tranh chấp ly hôn"

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LONG THÀNH-TỈNH ĐỒNG NAI

- ***Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có***:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Nguyễn Hữu Ngọc

Các Hội thẩm nhân dân: Ông Nguyễn Văn Ba

Bà Lê Thị Ánh Sáng

- *Thư ký phiên tòa*: Bà Lương Thị Liên – Thư ký Tòa án nhân dân huyện Long Thành - tỉnh Đồng Nai.

- *Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành tham gia phiên tòa*: Ông Hoàng Đình Tất – Kiểm sát viên.

Ngày 07 tháng 9 năm 2020 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Long Thành xét xử sơ thẩm công khai vụ án Hôn nhân gia đình thụ lý số 97/2020/TLST-HNGĐ ngày 02 tháng 3 năm 2020 về việc "Tranh chấp ly hôn" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 74/2020/QĐXXST-HNGĐ ngày 03/8/2020 và quyết định hoãn phiên tòa số 87/2020/QĐST-HNGĐ ngày 19/8/2020 giữa các đương sự:

Nguyên đơn: Chị Nguyễn Thị Khánh C, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số nhà S khu C, ấp V, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

Bị đơn: Anh Phan Văn Q, sinh năm 1995.

Địa chỉ: Số nhà S khu C, ấp V, xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai.

(Chị C có đơn xin vắng mặt, anh Q vắng mặt không có lý do)

NỘI DUNG VỤ ÁN

Theo đơn xin ly hôn, bản tự khai, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Khánh C trình bày:

Chị và anh Phan Văn Q chung sống với nhau từ năm 2014, hôn nhân tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai theo giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 24/6/2014. Quá trình chung sống vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q thường hay uống rượu, không quan tâm chăm sóc gia đình, có hành vi bạo lực gia đình đối với vợ;

chị và anh Q đã sống ly thân khoảng 03 năm. Do tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin được ly hôn với anh Q.

Về con chung: Có 01 con chung là Phan Văn Ngọc D, sinh ngày 08/7/2014. Hiện tại cháu D đang sống cùng với anh Q và do anh Q nuôi dưỡng. Ly hôn chị đồng ý tiếp tục giao cháu D cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000đ.

Về tài sản chung và nợ chung: Không có.

Quá trình giải quyết vụ án, anh Q vắng mặt nên không có lời khai.

Ý kiến đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký Tòa án kể từ khi thụ lý vụ án đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án được thực hiện đúng quy định.

Trong vụ án này, các đương sự được xác định đúng tư cách pháp lý của đương sự, đảm bảo việc thu thập chứng cứ, việc cấp tống đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho đương sự và chuyển hồ sơ cho Viện kiểm sát nhân dân cùng cấp nghiên cứu đúng thời gian quy định.

Về đường lối giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện xin ly hôn của chị Nguyễn Thị Khánh C.

Về con chung: Đề nghị giao con chung Phan Văn Ngọc D, sinh ngày 08/7/2014 cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng; về cấp dưỡng nuôi con chung: Chị C tự nguyện cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1500.000 đồng nên đề nghị Hội đồng xét xử ghi nhận.

Về tài sản chung, nợ chung: Theo chị C trình bày giữa chị và anh Q không có tài sản chung và nợ chung, anh Q không có lời khai nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án được thẩm tra tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tòa án đã tống đạt hợp lệ thông báo thụ lý vụ án; giấy triệu tập; thông báo về phiên họp kiểm tra giao nộp, tiếp cận, công khai chứng cứ và hòa giải; quyết định đưa vụ án ra xét xử; quyết định hoãn phiên tòa và các văn bản tố tụng cho bị đơn, nhưng bị đơn vẫn vắng mặt không lý do, nguyên đơn có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó, Hội đồng xét xử căn cứ quy định tại các Điều 227, 228 và 238 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015 tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị C và anh Q kết hôn trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn và đã được ủy ban nhân dân xã A, huyện T, tỉnh Đồng Nai cấp giấy chứng nhận kết hôn số 47 ngày 24/6/2014, nên được xác định là hôn nhân hợp pháp.

Theo lời khai của chị C thì sau khi chị và anh Q kết hôn, thời gian chung sống với nhau vợ chồng thường xuyên xảy ra mâu thuẫn, nguyên nhân do anh Q thường hay uống rượu, không quan tâm chăm sóc gia đình, có hành vi bạo lực gia đình đối với vợ; chị và anh Q đã ly thân khoảng 03 năm. Do tình cảm vợ chồng không còn và hôn nhân không hạnh phúc nên chị xin được ly hôn với anh Q.

Tòa án đã nhiều lần triệu tập và thông báo về phiên hòa giải để tạo điều kiện hòa giải cho chị C và anh Q hàn gắn đoàn tụ nhưng chị C vẫn cương quyết xin ly hôn còn anh Q vắng mặt không lý do, cho thấy mâu thuẫn đã thực sự trầm trọng, anh Q có thái độ bỏ mặc, không muốn hàn gắn tình cảm và mối quan hệ hôn nhân với chị C. Xét thấy mục đích hôn nhân không đạt được, nên chấp nhận yêu cầu ly hôn của chị C.

[3] Về con chung: Chị C và anh Q có 01 con chung là Phan Văn Ngọc D, sinh ngày 08/7/2014. Ly hôn chị C đồng ý giao cháu D cho anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, chị C cấp dưỡng nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng.

Theo chị C trình bày thì anh Q hiện đang trực tiếp nuôi dưỡng cháu D. Quá trình giải quyết vụ án, Tòa án đã ra thông báo giao nộp chứng cứ yêu cầu anh Q có ý kiến về nội dung khởi kiện của chị C, trong đó có vấn đề về con chung, tuy nhiên anh Q không đến tòa làm việc và không có ý kiến, do đó, Hội đồng xét xử căn cứ vào lời khai và các chứng cứ đo chị C cung cấp cũng như các chứng cứ do tòa án thu thập để xem xét, giải quyết.

Xét thấy, hiện cháu Phan Văn Ngọc D đang được anh Q trực tiếp nuôi dưỡng, để tránh xáo trộn về cuộc sống và sinh hoạt hàng ngày của cháu, cần tiếp tục giao cháu D cho Anh trực tiếp nuôi dưỡng. Về vấn đề cấp dưỡng nuôi con chung, chị C tự nguyện cấp nuôi con chung mỗi tháng 1.500.000 đồng nên Hội đồng xét xử ghi nhận.

[4] Về tài sản chung, nợ chung: Theo chị C trình bày giữa chị và anh Q không có tài sản chung và nợ chung, anh Q không có lời khai, do đó Hội đồng xét xử không xem xét. Các đương sự được quyền khởi kiện yêu cầu tòa án giải quyết vấn đề tài sản chung và nợ chung bằng vụ án khác khi có tranh chấp.

[5] Về án phí: Chị C phải chịu 300.000 đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm và 300.000 đồng án phí đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung.

[6] Nhận định của Viện kiểm sát nhân dân huyện Long Thành phù hợp với các chứng cứ, tài liệu có trong hồ sơ vụ án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH

Căn cứ các Điều 28, 35, 39, 147, 227, 228, 238, 266, 271, 273 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015;

Áp dụng các Điều 9, 11, 12 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2000; Các Điều 56, 81, 82, 83, 84 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí, lệ phí Tòa án;

Tuyên xử: Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn chị Nguyễn Thị Khánh C:

Về quan hệ hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Khánh C được ly hôn với anh Phan Văn Q.

Về con chung: Giao con chung là Phan Văn Ngọc D, sinh ngày 08/7/2014 cho anh Phan Văn Q trực tiếp nuôi dưỡng, chăm sóc và giáo dục sau khi ly hôn. Chị Nguyễn Thị Khánh C có nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung định kỳ hàng tháng với mức cấp dưỡng 1.500.000 (Một triệu năm trăm nghìn) đồng/tháng. Thời hạn cấp dưỡng kể từ ngày 07/9/2020 đến khi con chung thành niên và có khả năng lao động hoặc có tài sản để tự nuôi mình.

Kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại Điều 357, Điều 468 của Bộ luật Dân sự năm 2015.

Chị Nguyễn Thị Khánh C được quyền đi lại thăm nom con chung không ai được cản trở. Vì quyền lợi của con chung khi cần thiết, các đương sự được quyền yêu cầu thay đổi người trực tiếp nuôi con chung và yêu cầu thay đổi mức cấp dưỡng nuôi con chung.

Về tài sản chung, nợ chung: Không xem xét giải quyết.

Về án phí: Chị Nguyễn Thị Khánh C phải chịu 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm đối với yêu cầu ly hôn và 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm đối với nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung. Tổng cộng chị Nguyễn Thị Khánh C phải chịu 600.000 (Sáu trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm, được khấu trừ vào số tiền 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng tạm ứng án phí sơ thẩm chị C đã nộp tại biên lai số 0003146 ngày 25/02/2020 của C cục thi hành án dân sự huyện Long Thành. Chị Nguyễn Thị Khánh C còn phải nộp thêm 300.000 (Ba trăm nghìn) đồng án phí dân sự sơ thẩm.

Chị C, anh Q có quyền kháng cáo bản án sơ thẩm trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được tống đạt hợp lệ.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:
- VKSND huyện Long Thành;
- C cục THADS huyện Long Thành;
- UBND xã A;
- Các đương sự;
- Lưu VT, hồ sơ vụ án.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA

Nguyễn Hữu Ngọc